CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Địa chỉ: Đồi nhà máy nước Cốc San
Phường Lào Cai – Tỉnh Lào Cai
Fax: 02143.830224

Số: 118/XNMN-QLCLN-CNLC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Lào Cai, Ngày 29 tháng 09 năm 2026

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0085 ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử)

1. Tên cơ sở: Chi nhánh cấp nước Lào Cai – Cam Đường – Nhà máy nước đồi 117.
2. Địa chỉ: Số 037 – Đ.Nguyễn Huệ - P.Lào Cai – T.Lào Cai.

Địa điểm	Tên mẫu	Mã số mẫu	Ngày lấy mẫu	Ngày nhận mẫu
Bể chứa đồi 117	Nước bể chứa	110926.331	11/09/2026	11/09/2026
Đặng Thị Thanh – Số 188 Nguyễn Huệ – P.Lào Cai – T.Lào Cai.	Nước vòi sử dụng 1	110926.332		
Đỗ Thị Vân – Số 003 Tôn Thất Thuyết – P.Lào Cai – T.Lào Cai.	Nước vòi sử dụng 2	110926.333		

3. Mô tả mẫu: Lượng mẫu: 4500 ml, bảo quản lạnh.
4. Thời gian kiểm nghiệm: 12/09/2026 – 28/09/2026
5. Thời gian lưu mẫu: 15 ngày kể từ ngày lấy mẫu.
6. Tài liệu kèm theo: Phiếu yêu cầu kiểm nghiệm ngày 11 tháng 09 năm 2026
7. **Kết quả xét nghiệm**

7.1. Kết quả chỉ tiêu vi sinh

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả			QCĐP 01:2024/LC
				BC	VSD1	VSD2	
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	0	0	0	< 3
2	E.Coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	0	0	0	< 1
3	Staphylococcus aureus (*)	SMEWW 9213B	CFU/100ml	0	0	0	< 1
4	Pseudomonas Aeruginosa(*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	0	0	0	< 1

7.2. Kết quả chỉ tiêu hoá lý

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả			QCĐP 01:2024/LC
				BC	VSD1	VSD2	
1	Màu sắc(*)	QTTN05 (Ref TCVN6185:2008)	TCU	KPH[1]	KPH[1]	KPH[1]	15
2	pH(*)	QTTN 12 (Ref TCVN 6492:2011)	–	7.6	7.57	7.62	6 – 8.5
3	Mùi vị	ISO 2653-78 (QT 08)		*Không có mùi, vị lạ*	*Không có mùi, vị lạ*	*Không có mùi, vị lạ*	*Không có mùi, vị lạ*

4	Độ đục (*)	QTTN 04 (Ref TCVN 6184:2008)	NTU	0.2	0.32	0.27	2
5	Clo dư (*)	QTTN 01	mg/l	0.81	0.78	0.74	0.2 - 1
6	Sắt tổng số(*)	QTTN 06 (Ref TCVN 6177:1996)	mg/l	0.02	0.02	0.02	0.3
7	Mangan tổng số(*)	QTTN07 (Ref TCVN 6002:1995)	mg/l	<0.07(1)	<0.07(1)	<0.07(1)	0.1
8	Độ cứng tính theo $CaCO_3$(*)	QTTN 03 (Ref TCVN 6224:1996)	mg/l	70	74	79	300
9	Nitrit(*)	QTTN10 (Ref TCVN 6178:1996)	mg/l	KPH2	KPH2	KPH2	0.05
10	Nitrat(*)	QTTN 09(Ref TCVN 6180:1996)	mg/l	0.27	0.25	0.28	2
11	Pecmanganat(*)	QTTN11 (Ref TCVN 6186:1996)	mg/l	<0.36(2)	<0.36(2)	<0.36(2)	2
12	Sunphat(*)	QTTN 13	mg/l	5.78	5.98	6.03	250

1. **Kết luận**: Mẫu nước trên có các thông số đã được kiểm nghiệm nằm trong giới hạn cho phép về phương diện hóa lý và vi sinh vật theo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương QCĐP 01:2024/LC.
2. **Ghi chú**:

- (*) : Chỉ tiêu được công nhận VLAT.
- (1): Nhỏ hơn LOQ của phương pháp (LOQ=0.07 mg/l)
- (2): Nhỏ hơn LOQ của phương pháp (LOQ=0.36 mg/l)
- KPH1: Không phát hiện (LOD=2.367 TCU)
- KPH2: Không phát hiện (LOD=0.021 mg/l)
- Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
- Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty Cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai.
- Mọi thắc mắc về kết quả kiểm nghiệm chỉ giải quyết trong vòng 15 ngày (làm việc) kể từ ngày trả kết quả kiểm nghiệm.

PHÒNG QUẢN LÝ CLN
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Cương

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

M.S.D.N: 5300102876 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI - TỈNH LÀO CAI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Mật